



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No. 32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028 37817289 Fax: 028 37817375

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android. Công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 2/ 2019

08/01/2019- 14/01/2019

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần này chỉ số thuê tàu BDI xuống dưới mốc 1.200 điểm do sắp đến kỳ nghỉ lễ năm mới ở một số nước châu Á. Hiện nay việc tìm hàng tương đối khó khăn, do vậy nhu cầu mua tàu trong 2 tuần vừa qua giảm rõ rệt và rất ít thương vụ bán tàu handysize thành công. Tuần này xuất hiện 5 tàu handysize (28-33K Dwt) từ 10-13 tuổi chào bán trên thị trường, giá cũng đã mềm hơn nhưng hiếm người Mua. Tuy nhiên, các chủ tàu vẫn tin tưởng năm 2019, giá tàu vẫn sẽ đi lên, nhưng ở biên độ không nhiều.

Ở phân khúc tàu bách hóa, ghi nhận nhận tàu Genius Star I (tween 10.976 dwt đóng 2004 Nhật) được chủ tàu Wisdom Lines, Đài Loan bán với giá khoảng 3,4 triệu usd. Tàu Ho Fua (11.600 dwt đóng 2001 Nhật logger) đang được thêm khoảng 10 người mua xem tàu ở Việt Nam, chất lượng tàu khá bù lại giá tàu rẻ. Đã một thời gian, chưa thấy tàu mới nào từ thị trường Nhật chào bán.

Ở mảng tàu dầu, nhìn chung, phân khúc tàu MR vẫn đang được xem là tiêu điểm của thị trường mua bán tàu tanker và tiếp tục thu hút sự quan tâm của nhiều người mua trên thị trường. Theo ghi nhận trong tuần vừa qua, tàu Green Hellas (50.885 dwt đóng 2014 Hàn Quốc) đã được chủ tàu Hy Lạp – Aegean Marine giao dịch bán thành công cho người mua Trung Quốc với giá 26 triệu đô la Mỹ. Bên cạnh đó, chủ tàu Nhật – Yamamaru Kisen đã ký kết giao dịch bán tàu Marine Express (45.989 dwt đóng 2009 Nhật) cho người mua Ấn Độ với giá dao động quanh mức 16 triệu đô la Mỹ.

Danh sách tàu được ghi nhận bán trong tuần qua:

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Buyers	Price m.usd	Comment
BULKERS						
Crystal Star	2014	Japan	82,172	Undisclosed	24.50	
Caroline Oldendorff	1991	Korea	77,549	Chinese	Undisclosed	
Berni	1991	Korea	77,548	Chinese	Undisclosed	
Padmini	2012	China	75,700	Greek	12.50	
Paros Seas	2011	China	56,780	Chinese, Avic	12.50	enbloc with Kavala Seas
Kavala Seas	2011	China	56,380	Leasing	12.50	enbloc with Paros Seas
Topaz Halo	2011	Japan	55,612	Undisclosed	15.00	
Genius Star I	2004	Japan	10,976	Undisclosed	3.40	Tween, SS/ DD Oct 2019, Cr 2x30t (combinable) Dr 1x26t

TANKERS						
Pacific Glory	2001	Japan	299,999	Hong Kong, KVB Kunlun Holdings	22.00	
Four Smile	2001	Korea	160,573	Turkish, Karadeniz Holding	11.50	
Nordic Spirit	2001	Korea	151,294	European	10.50	
Blue River	2002	Japan	106,638	Greek, Stalwart Tankers	11.50	
Cielo Di Houston	2019	Vietnam	74,100	Japanese	38.60	Resale, blt at Hyundai Vinashin
Green Hellas	2014	Korea	50,885	Chinese	26.00	
High Glow	2006	Japan	46,846	Indian	11.80	
Conti Equator	2008	Korea	37,527	Undisclosed	11.50	SS Jul 2023, DD Jul 2021
CONTAINERS						
CSCL Spring	2014	China	121,849	Japanese, FPG	66.80	10036 teu, enbloc
CSCL Winter	2014	China	121,839		66.80	10036 teu, enbloc
Bohai Sea	2014	China	121,824		66.80	10036 teu, enbloc
CSCL Summer	2014	China	121,805		66.80	10036 teu, enbloc
Tammo	2011	China	17,191	Greek	8.50	1345 teu, cranes 2 x 45t, German owner, SS/DD Mar 2021
Munich Trader	1999	Romania	12,918	Chinese	2.50	1102 teu, SS Mar 2021, DD due Mar 2019
OTHERS						
TC Fortune	2006	Singapore	2,463	Vietnamese	Undisclosed	AHTS, 12236 bhp

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần qua:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Bulkers	50,000 dwt	Undisclosed	4	Hyundai Mipo, Korea	Central Mare	2020	
Bulkers	50,000 cbm	Undisclosed	2	CHI Yangzhou, China	Goldenport, Greece	2021	
LNG	174,000 cbm	189.00	2	Samsung, Korea	Gaslog	2021	
Containers	2,500 teu	28.00	2	Jiangnan , China	Evergreen Marine	2021	

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1 Thị trường thuê tàu hàng khô:

Phân khúc thuê tàu **Panamax** giảm nhanh chóng, kết thúc ở mức 9.145 đô la Mỹ, giảm so với mức đóng cửa cuối tuần trước là 10,677 đô la Mỹ. Tại Thái Bình Dương, Comerge chốt MG Kronos (84.790 dwt, 2016) nhận tại Matsuura đi qua NoPac và trả lại tại South China với giá 12.000 đô la Mỹ và 11.750 đô la Mỹ đối với North China, phụ thuộc vào sự lựa chọn của người thuê. Stockton thuê Osmarine (76.596 dwt, 2006) nhận tại DongHae đi Japan với giá 9.750 đô la Mỹ. Tiếp đến Rosalia D'amato (74.716 dwt, 2001) được chốt







nhận tại Xinsha đi South Kalimantan và trả lại tại South China với giá 8.250 đô la Mỹ. Tại Đại Tây Dương, Cargill chốt Yasa H Mulla (83.482 dwt, 2011) nhận tại US Gulf đi Skaw Gibraltar với giá 11.250 đô la Mỹ và 125.000 đô la Mỹ bb. Bunge thuê Xing Shun Hai (81.824 dwt, 2018) nhận tại East Coast South America đi Skaw Gibraltar với giá 15.250 đô la Mỹ. Với các tuyến một chiều, Fortune Daisy (74.979 dwt, 2011) đã được chốt bởi Bunge nhận tàu tại Santos đi China với giá 13.750 đô la Mỹ với giá 375.000 đô la Mỹ bb. Ausca chốt Skyros (79.366 dwt, 2011) nhận tại East Coast Nam Mỹ đi Singapore – Japan với giá 13.450 đô la Mỹ và 345.000 đô la Mỹ bb. Với thị trường thuê định hạn, Cobelfret chốt Ecosand G.O. (75.239 dwt, 2008) nhận tại Mishima và khai thác trong 5-7 tháng, sau đó trả tại nơi bất kì với giá 11.700 đô la Mỹ.

Tuần này phân khúc tàu **Supra** đã giảm 1.278 đô la Mỹ và kết thúc tuần ở mức cước dưới 10.000 đô la Mỹ - cụ thể là 9.596 đô la Mỹ. Tại Đại Tây Dương, Yangtze Galaxy (56,453 dwt, 2012) được chốt nhận tại Singapore đi China với giá khoảng 10.250 đô la Mỹ. Ở Thái Bình Dương, Marubeni đã ấn định các chuyến hàng đi NoPac của của mình với con tàu Santa Virginia (61.271 dwt, 2014) nhận tại CJK đi Nhật Bản với giá 11.000 đô la Mỹ và Imperial Fortune (53.505 dwt, 2006) chở than từ Indonesia vào Nam Việt Nam với giá 6.200 đô la Mỹ. Về thị trường thuê định hạn, Oldendorff chốt Great 61 (61.580 dwt, 2015) khai thác trong vòng 4-6 tháng với mức 12.500 đô la Mỹ- tàu nhận tại Japan. Thêm vào đó họ cũng chốt NPS Ocan Star (53.074 dwt, 2003) nhận tại Zhoushan để khai thác trong 4-6 tháng với giá 10.500 đô la Mỹ. Thị trường phân khúc tàu **Handy** trong tuần cũng cùng chung cảnh ngộ khi cước rớt ở mức 707 đô la Mỹ, kết thúc tuần ở mức 7.569 đô la Mỹ. Tại Đại Tây Dương, Oldendorff chốt Kite Bay (38.330 dwt, 2016) nhận tàu tại US Gulf chở ngũ cốc đi Continent với giá 9.000 đô la Mỹ. Ở Thái Bình Dương, Ithaca Visby (35.052 dwt, 2010) được chốt nhận tại US Gulf chở thép đi gấp đến Indonesia với giá 7.600 đô la Mỹ. Về thị trường thuê định hạn, hầu như không có báo cáo nào đáng kể dành cho phân khúc Handies.

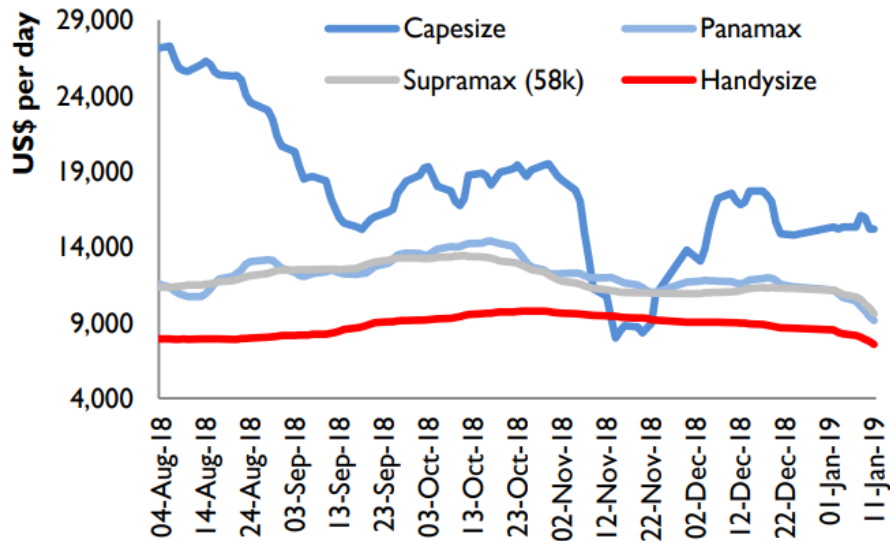
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 2 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 2	TUẦN 1	Mức thấp nhất năm 2019 (cập nhật tới Tuần 2)	Mức cao nhất năm 2019 (cập nhật tới Tuần 2)
TRANSATLANTIC RV	8,700	11,500	8,700	11,500
TCT CONT/F.EAST	17,000	19,000	17,000	19,000
TCT F.EAST/CONT	4,000	4,000	4,000	4,000
TCT F.EAST RV	9,500	10,000	9,500	10,000
RATES/SUPRAMAXSIZE (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	13,500	15,500	13,500	15,500
PACIFIC RV	9,000	9,000	9,000	9,000
TCT CONT/F.EAST	17,000	18,000	17,000	18,000

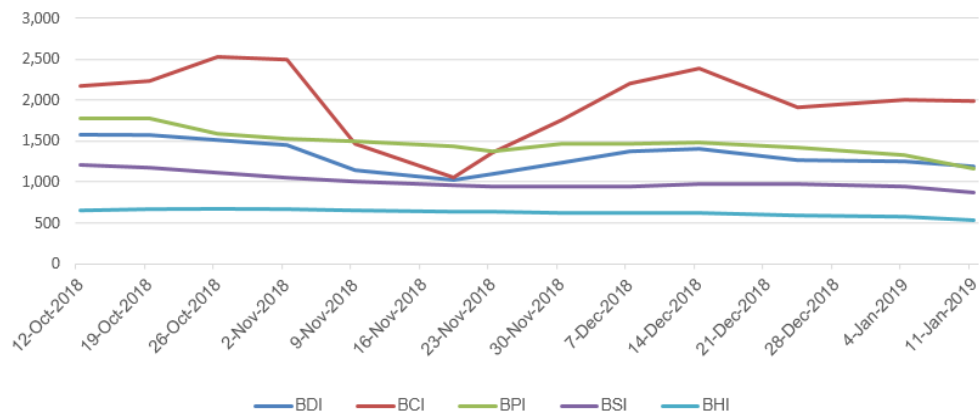
GIÁ THUÊ TÀU HÀNG KHÔ NGÀY 11/01/2019

	US\$/ngày	 / 	
CAPE SIZE	15,197		144
PANAMAX	9,404		2,413
SUPRAMAX	9,955		919
SMALL HANDY	7,749		527

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)



CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ



3.2 Thị trường thuê tàu dầu:

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU VLCC:

Nhìn chung, thị trường tàu VLCC đang có xu hướng giảm nhẹ kể từ đầu năm 2019. Theo ghi nhận, nhu cầu hàng hóa tại khu vực Meg giảm xuống so với tháng trước đó và đây là nguyên nhân chính khiến cho nguồn cung tàu tăng lên, đồng thời cước thị trường đang chịu nhiều sức ép do cạnh tranh giữa các chủ tàu. Trái lại, các hoạt động giao dịch tại khu vực America đang được giữ ở mức ổn định đã giúp cho cước tại khu vực này tăng thêm một vài điểm. Tuy nhiên, sự ổn định của thị trường America chưa đủ lớn để làm giảm sức ép lên thị trường Meg trong thời gian sắp tới.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
MEG/West	VLCC	24,0	32,0	24,0	32,0
MEG/Japan	VLCC	60,0	70,0	60,0	70,0
MEG/Singapore	VLCC	61,0	71,5	61,0	71,5
WAFR/EAST	260.000	58,0	73,5	58,0	73,5

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	VLCC	34.000	34.000	34.000	34.000

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU AFRAMAX:

Theo báo cáo, thị trường tàu Aframax tại khu vực North sea và Baltic đã có dấu hiệu suy giảm trong tuần vừa qua do nguồn cung tàu đang tăng nhanh trên hầu hết tất cả các tuyến chính và vượt quá nhu cầu của hàng hóa hiện tại. Vào thời điểm tuần thứ 3 của tháng, ghi nhận nhiều tàu đang chạy ra khỏi khu vực, do đó các chủ tàu đang hy vọng thị trường sẽ ổn định hơn vào thời điểm cuối tháng. Trong khi đó, thị trường Med và Bsea đang duy trì động thái khá tĩnh cực, cùng với đó là sự ảnh hưởng của thời tiết xấu tại khu vực East Med và sự trì hoãn tại Turkish Straits đã khiến cho các chủ tàu cố gắng đàm phán ở mức cước cao hơn.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
N.Afr/Euromed	80.000	165,0	200,0	165,0	200,0
UK/Cont	80.000	105,0	140,0	105,0	140,0
Caribs/USG	70.000	190,0	240,0	190,0	240,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	Aframax	18.000	18.000	18.000	18.000

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU MR:

Phân khúc tàu MR phía đông Suez: Cước tàu MR ở khu vực phía đông tiếp tục diễn ra khá ổn định. Theo tổng hợp, cước trên từ khu vực WC.India đi Japan tăng 5 điểm lên mức WS 185. Tại khu vực Far East, cước trên tuyến S.Korea/Japan cũng đã tăng nhẹ lên mức \$445'.

Phân khúc tàu MR phía tây Suez: Theo ghi nhận trong tuần vừa qua, cước trên tuyến UKC/USAC giảm 5 điểm xuống mức 135. Đối với chiều ngược lại từ khu vực USG, cước giảm mạnh xuống mức WS 95.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
WCI/Japan	35.000	185,0	180,0	180,0	185,0
UKC-Med/States	37.000	135,0	140,0	135,0	140,0
USG/UKC-Med	38.000	95,0	145,0	95,0	145,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	MR	13.500	13.500	13.500	13.500

3. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có Lt ldt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	420		430	▼ 10
2	India	415	▼ 5	420	▼ 10
3	Pakistan	405		415	
4	Turkey	240		250	
5	China	150		160	

(đơn vị tính : usd/ltd)
(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 2/2019

Tên tàu	Loại tàu	Năm Đóng	Lt LDT	Nước phá dỡ	Giá (US\$/ltd)	Dwt	Comments
MSC Mirella	Container	1989	11,020	India	440.00	25,904	
Serval	Container	1995	5,733	Undisclosed	450.00	13,700	
Jasa Bakti	PCC	1992	13,557	Undisclosed	435.00	12,308	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS MUA – BÁN TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.